

VỀ ĐỀ ÁN "Nâng cao năng lực và hiệu quả phục vụ kinh tế - xã hội của ngành Khí tượng- Thủy văn"

HUỶNH VĂN ANH

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài vụ.

Chỉ thị 249/HDBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác KTTV đã đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ khẩn trương là phải xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch để thực hiện. Nhà nước đã cho chúng ta một hướng triển khai để củng cố lại cơ sở vật chất kĩ thuật, nâng cao dần năng lực và hiệu quả phục vụ của Ngành. Chỉ thị này đòi hỏi năng lực tổ chức và nỗ lực hành động của mình để nhanh chóng khắc phục tình trạng xuống cấp của mạng lưới trạm, từng bước hiện đại hóa trên cả 3 mặt: cơ sở vật chất kĩ thuật, hệ thống thông tin và qui trình qui phạm kĩ thuật.

Với cách đặt vấn đề như vậy, chúng tôi xin nêu ra những suy nghĩ của mình trong quá trình hình thành, xây dựng đề án.

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN.

Vấn đề đầu tiên và quan trọng của một đề án là xác định đúng mục tiêu. Trong nhiều vấn đề cần phải giải quyết để nâng cao năng lực của ngành, từ nay đến năm 2000, phải chọn mục tiêu như thế nào để tạo được một thế xuất phát làm bàn đạp lao vào thế kỉ 21.

1. Mục tiêu lâu dài đến năm 2000 là củng cố, phát triển ngành KTTV đạt trình độ hoạt động của các nước phát triển trong khu vực, phát huy hiệu quả phục vụ kinh tế - xã hội của công tác KTTV. Thực hiện mục tiêu này, phải tính đến sự phát triển chung trong khu vực, và thực sự là một cuộc chạy đua mà ta phải cố gắng để rút ngắn khoảng cách.

2. Nằm trong mục tiêu chung đến năm 2000, chặng đường từ nay đến năm 1995 của đề án cần đạt được các mục tiêu sau đây:

2.1. Giải quyết căn bản tình trạng xuống cấp trong công tác điều tra cơ bản (DTCB) trên các mặt: công trình đo đạc và nhà trạm, máy móc thiết bị, qui trình qui phạm và đội ngũ cán bộ nhằm

dảm bảo dung lượng chất lượng DTCTB, từng bước trang bị hiện đại cho những khâu thiết yếu, có đủ điều kiện.

2.2. Đổi mới và nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, tạo cơ sở khai thác có hiệu quả năng lực đã có, đồng thời chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn trong giai đoạn tiếp theo đến năm 2000.

2.3. Nâng cao năng lực phục vụ kinh tế - xã hội của Ngành trên các mặt dự báo các hiện tượng KTTV, nhất là các hiện tượng nguy hiểm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, đời sống nhân dân và các ngành kinh tế khác. Dẩy mạnh việc phục vụ các qui hoạch sản xuất, khai thác tối ưu điều kiện tài nguyên và môi trường.

2.4. Xây dựng một hệ thống tổ chức hợp lý, có hiệu quả và ổn định, một đội ngũ cán bộ có năng lực, có trình độ, đủ sức đảm đương công việc. Xây dựng một cơ chế quản lý, một hệ thống chế độ chính sách thích hợp động viên được mọi người toàn tâm toàn ý thực hiện có hiệu quả công việc mình đảm trách.

II. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

Nội dung của đề án được thể hiện trên bốn mặt sau đây:

- Củng cố và phát triển công tác DTCTB,
- Phát triển và khai thác tiềm lực khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực phục vụ,
- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế,
- Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, cơ chế quản lý, hoàn thiện các chính sách, chế độ trong ngành KTTV.

Để thể hiện thành hành động, mỗi mặt công tác trên phải hình thành những chương trình đồng bộ có mục tiêu, và sau đó sẽ xác lập từng bước thực hiện trong kế hoạch hàng năm.

Các mục tiêu của chương trình nhằm giải quyết một số vấn đề mấu chốt của công tác trên. Đồng thời mục tiêu nêu ra phải phù hợp với khả năng đầu tư của Nhà nước và với năng lực thực hiện (mức độ cố gắng được trong điều hành, triển khai).

Từ nay đến năm 1995 là giai đoạn I của đề án, thể hiện bằng 5 chương trình mục tiêu sau đây:

1. Chương trình Đảm bảo dung lượng và chất lượng DTCTB KTTV và môi trường

Đây là chương trình đã được triển khai từ năm 1986, đã qua giai đoạn I, đang ở vào giai đoạn II, dự kiến kết thúc vào cuối năm 1995.

Mục tiêu của chương trình trong giai đoạn này là:

1.1. Bổ sung và hoàn chỉnh qui hoạch lưới trạm KTTV và môi trường.

Ở giai đoạn I, đã xác định qui hoạch lưới trạm khí tượng bề mặt, khí tượng cao không, khí tượng hải văn, và khí tượng nông nghiệp; qui hoạch lưới trạm thủy văn đo lưu lượng, lưới trạm đo mực nước.

Ở giai đoạn II, đã ban hành qui hoạch lưới trạm đo mưa, và hiện nay đang chuẩn bị để ban hành qui hoạch lưới trạm quản lí và kiểm soát môi trường.

1.2 Xây dựng cơ sở vật chất cho mạng lưới trạm gồm: nhà trạm, công trình đo và độ cao trạm

Đến hết năm 1995, mạng lưới KTTV và môi trường cơ bản sẽ được kiện toàn theo hướng kiên cố, đồng bộ để đảm bảo dung lượng và chất lượng DTCB và tạo cơ sở tiếp nhận các kĩ thuật tiến bộ theo hướng phát triển của giai đoạn 1996-2000.

1.3. Đảm bảo máy đo cho mạng lưới

Máy đo KTTV và môi trường phụ thuộc phần lớn vào nguồn nhập của nước ngoài. Cần xác định rõ loại máy, dụng cụ nào có thể sản xuất được trong nước, máy nào phải nhập và địa chỉ nhập.

Trong quá trình giải quyết máy ở giai đoạn này cũng cần quan tâm đến việc thay thế các loại máy thuộc thế hệ cũ, lạc hậu, các nước không sản xuất nữa, và việc trang bị máy đo hiện đại ở một số khâu thiết yếu có điều kiện.

Ngoài việc mua và sản xuất máy mới, phải đặc biệt quan tâm tổ chức công tác kiểm định máy KTTV, xem đây là một trong những khâu quan trọng có tính quyết định cho việc đảm bảo chất lượng quan trắc của mạng lưới.

1.4. Xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống qui trình qui phạm kĩ thuật DTCB KTTV

Đồng thời phải tổ chức huấn luyện, chỉ đạo thực hiện những qui phạm này.

Định kì tổ chức hội nghị kĩ thuật về thực hiện qui trình qui phạm trong một số năm để các tài liệu đó được hoàn thiện, đội ngũ quan trắc viên được nâng cao kĩ năng thao tác, đảm bảo chính xác số liệu đo.

1.5. Xây dựng cơ sở vật chất và tổ chức lưu trữ, xử lí số liệu DTCB KTTV và môi trường

Tiếp tục và mở rộng việc áp dụng kĩ thuật tiến bộ vào công tác chỉnh lí và lưu trữ số liệu KTTV và môi trường theo một qui hoạch hợp lí các cấp lưu trữ số liệu.

2. Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ

2.1. Mục tiêu

- Tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật của công tác khoa học và công nghệ
- Đổi mới và nâng cao trình độ khoa học và công nghệ áp dụng trong ngành. Lựa chọn công nghệ hiện đại, thích hợp với điều kiện nước ta.
- Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm mục tiêu đẩy mạnh tốc độ phát triển ngành KTTV và phục vụ kinh tế - xã hội của đất nước, chuẩn bị điều kiện bước vào thế kỉ 21.

2.2. Nội dung cụ thể

- Về xây dựng cơ sở vật chất: Hoàn thành xây dựng công trình Viện KTTV, trong đó đặc biệt quan tâm thiết bị nghiên cứu KTTV.

Xây dựng phòng thí nghiệm KTTV và môi trường ở Hà Nội.

Xây dựng các trạm thực nghiệm KTNN, trạm nghiên cứu KTTV hồ chứa.

- Về nghiên cứu khoa học: Triển khai nghiên cứu các chương trình cấp nhà nước và cấp ngành mà trọng tâm là chương trình phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu. Tổ chức tham sát to và khảo sát biển theo chương trình hợp tác với Liên Xô.

Áp dụng các kĩ thuật tiến bộ nhằm tăng cường năng lực cho dự báo bão lũ, DTCB biển, cho quản lí và kiểm soát môi trường và cho nghiên cứu thực nghiệm.

Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn Ngành về KTTV.

3. Chương trình đưa kết quả KTTV phục vụ sản xuất và đời sống

3.1. Mục tiêu

- Tăng cường cơ sở vật chất - kĩ thuật cho công tác phục vụ KTTV, khai thác các kết quả TCB, nghiên cứu khoa học và dự báo để phục vụ có hiệu quả các ngành sản xuất và đời sống nhân dân.

- Đổi mới và nâng cao trình độ khoa học - kĩ thuật cho công tác phục vụ KTTV theo kịp sự phát triển của khu vực và thế giới.

- Đánh giá hiệu quả phục vụ của KTTV đối với sản xuất và đời sống.

3.2. Nội dung cụ thể

- Xây dựng và tổ chức thực hiện qui hoạch thông tin và qui hoạch dự báo.

- Thực hiện dự án đầu tư "Tăng cường trang thiết bị thông tin, thực tiễn số liệu KTTV phục vụ công tác theo dõi và dự báo các hiện tượng KTTV nguy hiểm".

- Tăng cường đầu tư để tổ chức có sở tu nghiệp và nghiên cứu với quốc tế, đủ điều kiện phục vụ mọi yêu cầu trong nước nhanh chóng và thuận tiện.

- Tổ chức chuyển các kết quả nghiên cứu, kết quả ĐTCB trở thành các sản phẩm khoa học kĩ thuật, phục vụ cho các đối tượng sử dụng.

4. Chương trình tăng cường và hội đồng hợp tác quốc tế

4.1. Mục tiêu

- Tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ của các nguồn vốn, thiết bị, kĩ thuật và công nghệ hiện đại của các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ.

- Trao đổi thông tin khoa học kĩ thuật

- Đào tạo nâng cao trình độ cán bộ khoa học kĩ thuật và quản lí ngành KTTV.

4.2 Hướng thực hiện

- Thực hiện nghĩa vụ thành viên của các tổ chức quốc tế đồng thời tạo chỗ đứng xứng đáng của mình trong hoạt động của các tổ chức này... Muốn vậy, cần có kế hoạch đào tạo, chuẩn bị đội ngũ cán bộ trẻ, có năng lực để sẵn sàng đảm trách công việc.

- Có một chương trình tiếp cận thích hợp như tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học hoặc các chương trình ứng dụng cơ bản của các tổ chức quốc tế hoặc khu vực.

- Tranh thủ đầu tư từ các dự án quốc gia (VIE), các dự án khu vực (RAS) hoặc dự án bản các nguồn tài trợ khác.

- Duy trì sự đối mới quan hệ hợp tác với Liên Xô, với các nước cộng hòa, tăng cường và mở rộng hợp tác với Lào, Cam-pu-chia, Cu - ba và những nước có quan hệ truyền thống như: Úc, Pháp, Ấn Độ, Thụy Điển, Nhật Bản... Đặc biệt quan tâm tới sự hợp tác với Trung Quốc và Thái Lan.

5. Chương trình củng cố tổ chức và đổi mới cơ chế quản lí

5.1. Mục tiêu

- Xây dựng một hệ thống tổ chức của Ngành hợp lí, có hiệu lực và ổn định.

- Xây dựng một đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ, tay nghề cao và nhiệt tình phát huy khả năng của mình.

- Xây dựng một hệ thống chế độ, chính sách, cơ chế quản lí thích hợp với đặc điểm của ngành và phù hợp với đường lối của Đảng và nhà nước.

5.2. Nội dung cụ thể

- Xây dựng sơ đồ tổ chức của ngành gồm bốn khối:

+ Quản lý nhà nước về KTTV và môi trường

+ Chuyên môn nghiệp vụ KTTV và môi trường

+ Đài, trạm KTTV

+ Sản xuất, kinh doanh, cung ứng máy, thiết bị do.

- Xây dựng hệ thống các văn bản pháp qui trong đó đặc biệt quan tâm hệ thống chế độ chính sách đối với ngành KTTV (chính sách đối với con người, chính sách đầu tư v.v.).

- Đối mới cơ chế quản lý nhằm thúc đẩy công tác chuyên môn: DTCTB, nghiên cứu và phục vụ...

Áp dụng các cơ chế hạch toán kinh tế, hợp đồng... trong những khâu công tác thích hợp.

Do đặc điểm của đề án, trong 5 chương trình mục tiêu có hai chương trình là biện pháp lớn để thực hiện đề án. Đó là: chương trình tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế nhằm thu hút tạo vốn đầu tư từ bên ngoài, và chương trình củng cố tổ chức đổi mới cơ chế quản lý nhằm tạo nguồn lực bên trong.

Vì vậy, xây dựng và chỉ đạo thực hiện thành công hai chương trình này sẽ có tác động quyết định đến toàn bộ đề án.

Chương trình đưa kết quả KTTV phục vụ sản xuất và đời sống phải được xem là chương trình khai thác kết quả là chính (kết quả DTCTB, NCKH và Dự báo).

Đĩ nhiên, để khai thác có hiệu quả phải có đầu tư. Kết quả thực hiện chương trình này sẽ đặt ra những yêu cầu phát triển của chương trình nghiên cứu và công nghệ, nhằm thỏa mãn yêu cầu đa dạng của cuộc sống và tác động trở lại chương trình Đảm bảo dung lượng chất lượng DTCTB, đời đời nó phải được nâng cao hơn.